

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 25-12-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân A.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Huy Quang và bà Lê Thị Bổng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Thu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 09 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Vì Xuân A**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/7/1966 tại xã Tường Phong, huyện Phù Yên. Nơi cư trú: Khối 6 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: không. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phù Yên; Đảng phái, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 58-QĐ/UBKTHU ngày 16/11/2017 của Huyện ủy Phù Yên; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Vi Đức Ph (đã chết) và bà Lương Thị S (đã chết); Có vợ Phạm Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 12/4/2018 thì được tại ngoại, có mặt.

2. **Đình Đức B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/9/1966 tại xã Tường H, huyện Phù Yên. Nơi cư trú: bản Kh, xã Tường H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: không. Đảng phái, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 47-QĐ/UBKTHU ngày 07/9/2017 của Huyện ủy Phù Yên; nghề nghiệp: Cán bộ. Trình độ văn hóa: 10/10; con ông Đình Đức K (đã chết) và bà Đình Thị A; có vợ Hà Thị Đ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 21/3/2018 thì được tại ngoại, có mặt.

3. **Lê Văn C**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26/10/1974 tại Tĩnh Gia - Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khối 8 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 57- QĐ/UBKTHU ngày 16/11/2017 của Huyện ủy Phù Yên; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê B và bà Vũ Thị Ph; có vợ Quách Thị Hồng Ph và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 12/4/2018 thì được tại ngoại; có mặt.

** Bị hại:*

1. Ông Đinh Công D, sinh năm 1950; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
2. Ông Cầm E, sinh năm 1960; Địa chỉ: Phố Tân L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
3. Ông Hoàng Văn F, sinh năm 1968; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
4. Ông Đinh Hùng G, sinh năm 1972; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
5. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1962; Địa chỉ: bản C, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
6. Ông Đinh Văn I, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản C, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
7. Bà Hoàng Thị J, sinh năm 1954; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
8. Ông Hà Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: bản C, xã Tường H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
9. Ông Đinh Công L, sinh năm 1987; Địa chỉ: bản C, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
10. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: bản Nà M, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
11. Bà Lò Thị N, sinh năm 1969 và ông Cầm Văn A12, sinh năm 1966; Địa chỉ: bản Nà M, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Phạm Thị O, sinh năm 1964; Địa chỉ: Phố Tân L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
2. Lò Văn P, sinh năm 1972; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
3. Đinh Văn Q, sinh năm 1969; Địa chỉ: Bản C, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
4. Đinh Thị R, sinh năm 1977 và Cầm Bá A11, sinh năm 1970; Địa chỉ: khối x thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
5. Đinh Thị S, sinh năm 1966 và Đinh Công A10, sinh năm 1965; Địa chỉ: bản Kh, xã Tường H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
6. Chi cục Thuế huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Đại diện là ông Nguyễn Hữu C – Chi cục trưởng. Có mặt.
7. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Đại diện là bà Đỗ Thị L – Quyền giám đốc. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Cầm Văn A1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản Chiềng H 2, xã Quang H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
2. Mùi Văn A2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Bản H, xã Mường D, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
3. Cầm Văn A9, sinh năm 1962; Địa chỉ: Bản C, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Sa Thanh A3, sinh năm 1972; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Cầm Văn A4, sinh năm 1978; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

6. Hoàng Kim A5, sinh năm 1966; Địa chỉ: bản Lá, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

7. Đinh Văn A14, sinh năm 1971; Địa chỉ: bản L, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

8. Nguyễn Thị A6, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn Nam S, xã P Ph, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

9. Trần Xuân A7, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khối x thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Lò Văn A8, sinh năm 1990; Địa chỉ: bản Nà L, xã Sập X, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C:*

- Luật sư Trần Thu N, sinh năm 1976, nơi cư trú: nhà Cx ngõ 88 phố Trung T, phường Yên H, Hà Nội; thuộc Văn phòng luật sư Tín Việt và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Chỉ thị 1474/CT-TTg ngày 14/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch số 88 ngày 16/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên ban hành kế hoạch số 1223/QĐ-UBND về việc ban hành kết hoạch chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn huyện Phù Yên năm 2013, đồng thời giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Yên ký hợp đồng với Công ty cổ phần tư vấn và đo đạc Bảo K, tiến hành đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở Hướng dẫn số 72/STNMT-HD ngày 15/7/2013 của Sở Tài nguyên và môi trường, Công ty Bảo K đã triển khai đo đạc, vẽ bản đồ và lập được 182 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trên địa bàn huyện, trong đó có các hộ gia đình thuộc xã Tường H và xã Gia Ph. Toàn bộ 182 bộ hồ sơ này khi lập xong đã được bàn giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm định, hoàn thiện tờ trình và dự thảo quyết định, đồng thời trình Chủ tịch UBND huyện ký giấy cấp quyền sử dụng đất (*bìa đỏ*) cho các hộ gia đình đủ điều kiện cấp đất. Sau khi nhận hồ sơ đề chuyển giao cho cơ quan thuế Vì Xuân A đã ra phiếu chuyển thông tin địa chính không đúng đối với một số hộ dân từ không phải nộp thuế sử dụng đất thành phải nộp và phải nộp thành không phải nộp thuế sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tài sản.

Quá trình thực hiện cơ quan Thuế đã lập danh sách tạm tính thuế và gửi đến UBND xã Gia Ph và xã Tường H để thông báo mức thuế tạm tính cho các hộ dân biết. Trong quá trình thông báo, nhiều hộ dân không nắm bắt, không biết được mức thuế phải nộp là bao nhiêu. Do đó một số hộ đã đến đưa tiền và hỏi A, B để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được tiền, A, B, C thay đổi nội dung phiếu chuyển thông tin địa chính trong những bộ hồ sơ B đem đến, từ phải nộp tiền sử dụng

đất thành không phải nộp tiền sử dụng đất (*phần nghĩa vụ tài chính phải nộp*) rồi chiếm đoạt tiền của 11 hộ dân thuộc xã Gia Phú và xã Tường Hạ với tổng số tiền là **102.685.000đ**, trong đó: A chiếm đoạt **45.000.000đ** (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), B chiếm đoạt **50.480.000đ** (*Năm mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), C chiếm đoạt **7.205.000đ** (*Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*). Hành vi chiếm đoạt tiền của các bị cáo cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đầu năm 2015, ông Đinh Công D đến gặp Đinh Đức B được B thông báo gia đình phải nộp thuế và lệ phí trước bạ khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.000.000đ. Ông D đã giao cho B số tiền 5.000.000đ. Sau khi nhận tiền của ông D, B đến gặp Lê Văn C tại Chi cục thuế huyện Phù Yên mượn hồ sơ xin cấp giấy cấp quyền sử dụng đất, sau đó cầm hồ sơ đến gặp Vì Xuân A để A thay đổi phiếu thông tin địa chính trên thửa đất số 43, tờ bản đồ số 31. Tờ phiếu ban đầu có ghi phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp 50%), thay tờ phiếu khác vào thành không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính và chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ chia nhau. B chiếm đoạt 2.000.000đ; A chiếm đoạt 2.500.000đ; C chiếm đoạt 223.000đ; nộp lệ phí trước bạ 277.000đ.

Lần thứ hai: Đầu tháng 9/2015, Đinh Đức B nhận tiền của ông Cầm E 25.000.000đ. Cũng với phương thức thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính từ phải nộp thuế thành không phải nộp thuế. Được số tiền trên B chiếm đoạt 8.000.000đ; A chiếm đoạt 15.000.000đ; C chiếm đoạt 1.436.000đ; nộp lệ phí trước bạ 564.000đ.

Lần thứ ba: Tháng 3/2016, Đinh Đức B nhận 8.000.000đ của ông Hoàng Văn F. Cũng với phương thức thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính, số tiền này B chiếm đoạt 3.500.000đ; A chiếm đoạt 3.000.000đ; C chiếm đoạt 745.000đ; nộp lệ phí trước bạ 755.000đ.

Lần thứ tư: Tháng 12/2015, Đinh Đức B nhận 6.000.000đ của ông Đinh Hùng G. Cùng phương thức thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính, số tiền này B chiếm đoạt 3.000.000đ; A chiếm đoạt 2.500.000đ; C chiếm đoạt 332.000đ; nộp lệ phí trước bạ 168.000đ.

Lần thứ năm: Tháng 11/2016, Đinh Đức B nhận 7.000.000đ của ông Đinh Văn H. Cũng với phương thức thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính, số tiền này B chiếm đoạt 3.200.000đ; A chiếm đoạt 3.000.000đ; C chiếm đoạt 618.000đ; nộp lệ phí trước bạ 182.000đ.

Lần thứ sáu: Đầu tháng 5/2017, Đinh Đức B nhận 8.700.000đ của ông Đinh Văn I. Cũng với phương thức và thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính, số tiền này B chiếm đoạt 5.000.000đ; A chiếm đoạt 3.000.000đ; C chiếm đoạt 615.000đ; nộp lệ phí trước bạ hết 85.000đ.

Lần thứ bảy: Tháng 4/2017, Hoàng Thị J giao cho cháu mình là Cầm Văn A13 số tiền là 11.200.000đ, để đưa cho Đinh Đức B mục đích để lấy giấy cấp quyền sử dụng đất. Khi giao tiền B chỉ nhận với Hữu 10.200.000đ còn lại 1.000.000đ Hữu vẫn cầm. Được số tiền này B chiếm đoạt 4.200.000đ; A chiếm đoạt 5.000.000đ; C 795.000đ. Sau đó B đến gặp A cùng thay đổi phiếu thông tin địa chính từ phải nộp tiền thuế 50% thành không phải nộp tiền thuế cho vào hồ sơ, B giao lại hồ sơ cho C và nộp lệ phí trước bạ 205.000đ.

Lần thứ tám: Tháng 9/2015, Đinh Đức B nhận 10.000.000đ của anh Hà Văn K. Được số tiền này, B đến gặp Lê Văn C, đồng thời đưa cho C 367.000đ và mượn lại hồ

sơ của Hà Văn K rồi sửa chữa hồ sơ thay đổi phiếu thông tin địa chính từ phải nộp 100% thành không phải nộp tiền thuế, B giao hồ sơ cho C và nộp lệ phí trước bạ 133.000đ, B chiếm đoạt 9.500.000đ.

Lần thứ chín: Tháng 2/2017, Đinh Đức B nhận 7.500.000đ tiền của ông Đinh Công L. Cũng với phương thức và thủ đoạn thay đổi phiếu chuyển thông tin địa chính, số tiền này B chiếm đoạt 4.180.000đ; A chiếm đoạt 3.000.000đ; C chiếm đoạt 200.000đ, nộp lệ phí trước bạ 120.000đ.

Lần thứ mười: Tháng 12/2016, Đinh Đức B nhận 7.000.000đ tiền của ông Hoàng Văn M. B đến gặp Lê Văn C mượn hồ sơ, sau đó đem hồ sơ cho Vì Xuân A đổi phiếu thông tin địa chính từ phải nộp 50% tiền thuế thành không phải nộp. Được số tiền này A chiếm đoạt 3.000.000đ, B chiếm đoạt 2.800.000đ, C chiếm đoạt 999.000đ, nộp lệ phí trước bạ 201.000đ.

Lần thứ mười một: Ngày 19/01/2017, bị can Đinh Đức B nhận 11.100.000đ tiền của bà Lò Thị N. B đến gặp Lê Văn C mượn hồ sơ, sau đó B đem hồ sơ cho Vì Xuân A đổi phiếu thông tin địa chính từ phải nộp 50% tiền thuế thành không phải nộp. Được số tiền này A chiếm đoạt 5.000.000đ, B chiếm đoạt 5.100.000đ, C chiếm đoạt 875.000đ, nộp lệ phí trước bạ 125.000đ.

Ngoài ra đối với số tiền 40.000.000đ do Cẩm Bá A11 cầm đến đưa cho A tại phòng làm việc vào ngày 26/4/2017, để nộp thuế lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Thị R (vợ A11), có thửa đất số 33 tờ bản đồ số 02 diện tích 337,1m². Nhận được tiền A thay đổi phiếu thông tin địa chính từ phải nộp thuế thành không phải nộp thuế, rồi bỏ tiền riêng của mình ra đưa cho C 202.000 để nộp lệ phí trước bạ, mục đích A muốn chiếm đoạt khoản tiền trên.

Đến tháng 5/2017 chị Đinh Thị S cầm số tiền 20.000.000đ đưa cho A để nộp thuế lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hồ sơ thửa đất số 36, tờ bản đồ số 02, diện tích 150,4m² tại bản Kh, xã Tường H, nhận được tiền A phê vào phiếu thông tin địa chính thành không phải nộp thuế, còn lệ phí trước bạ A bảo B lấy tiền riêng ra nộp hộ là 90.000đ, mục đích A muốn chiếm đoạt số tiền trên. Đến Tháng 6/2017 thấy sợ việc làm của mình bị phát hiện, A đến gặp Nguyễn Hữu C (*Trưởng Chi cục thuế Phù Yên*) nhờ ra thông báo nộp số thuế giúp hai hộ trên. C nhất trí, rồi A thay đổi phiếu thông tin địa chính cho hai hộ trên thành phải nộp thuế 100%, từ đó C ra thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất cho hai hộ Đinh Thị R và Đinh Thị S. Ngày 27/6/2017 A đưa cho B tổng số 60.000.000đ để đi nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước giúp, nhưng số tiền phải nộp cả hai hộ chỉ là 58.500.000đ còn lại 1.500.000đ B vẫn giữ. Trong giai đoạn điều tra B đem giao nộp tại cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên. Như vậy, 02 khoản tiền trên mà A nhận của chị R và chị S đã được nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với hộ gia đình bà Phạm Thị O, theo luật đất đai năm 2003, không phải nộp tiền sử dụng đất. Cơ quan Thuế đã ra thông báo nộp số thuế là 11.000.000đ, gia đình bà O đã thực hiện nộp số thuế này.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-PY ngày 21/09/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Vì Xuân A, Đinh Đức B và Lê Văn C về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà vì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vì Xuân A từ 30 đến 36 tháng tù được trừ thời hạn tạm giam là 04 tháng 28 ngày, còn lại phải chấp hành 25 tháng 02 ngày đến 31 tháng 02 ngày.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đinh Đức B từ 30 đến 36 tháng tù được trừ thời hạn tạm giam là 06 tháng 18 ngày, còn lại phải chấp hành 23 tháng 12 ngày đến 29 tháng 12 ngày.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 24 đến 30 tháng tù được trừ thời hạn tạm giam là 04 tháng 28 ngày, còn lại phải chấp hành 19 tháng 02 ngày đến 25 tháng 02 ngày.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo từ 01 năm đến 02 năm, không áp dụng bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo Đinh Đức B đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho 08 hộ dân tổng số tiền là 61.500.000 đồng.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử lý các vật chứng đang tạm giữ như sau:

Tổng số tiền mà cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã thu của các bị cáo là 69.705.000 đồng. Số tiền này cần được xử lý như sau:

Trả lại cho các hộ gia đình sau: chị S 1.500.000 đồng, ông D 4.723.000 đồng, ông F 245.000 đồng, ông H 318.000 đồng, ông I 8.615.000 đồng, bà J 10.795.000 đồng. Tổng 26.196.000 đồng.

Tạm giữ lại số tiền của các hộ gia đình sau để nộp thuế vì các hộ gia đình này đã lấy giấy chứng nhận sử dụng đất; Tổng 21.922.000 đồng. Trong đó: gia đình ông E 13.936.000 đồng, ông G 5.832.000 đồng, ông L 380.000 đồng, ông M 799.000 đồng và bà N 975.000 đồng.

Riêng hộ ông K 367.000 đồng cần tạm giữ lại để xem xét chuyển mục đích thửa đất để sử dụng, vì số tiền thuế chuyển mục đích sử dụng là 17.680.000 đồng.

- $26.196.000 + 21.922.000 + 367.000 =$ tổng số là 48.485.000 đồng. Còn lại 21.220.000 đồng trả lại cho bị cáo Đinh Đức B.

- Đối với tiền lệ phí trước bạ, qua xem xét tại phiên tòa mà các bị cáo đã nộp vào ngân sách thừa, đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị hại mà cơ quan Thuế phải thực hiện.

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO kèm 2 sim tạm giữ của Đinh Đức B và 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG kèm 01 sim điện thoại tạm giữ của Lê Văn C, cần trả lại cho hai bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với các tài liệu, hồ sơ đang thu giữ cần trả lại như sau:

- 35 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSDĐ và 08 tập tài liệu liên quan gồm:

+ 30 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại Chi cục thuế Phù Yên.

+ 05 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đăng ký đất đai Phù Yên.

- + 06 tập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán kinh phí, hợp đồng;
- + 02 danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Tường H và Gia Ph trả lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đăng ký đất đai Phù Yên.
- 14 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:
- + 04 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại Chi cục thuế Phù Yên.
- + 10 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đăng ký đất đai Phù Yên.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Công A10 và Đinh Thị R cần giao lại cho 02 gia đình này vì hai gia đình đã nộp tiền thuế cấp quyền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo đã nhiều lần lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra thông báo thuế không đúng quy định và thay đổi thông tin về thuế sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ như:

[3] Vật chứng thu giữ trong vụ án: Video phản ánh việc Vì Xuân A nhận của Cẩm Bá A11 số tiền 40.000.000đ và số tiền các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả cụ thể: Vì Xuân A số tiền 45.000.000 đồng, Đinh Đức B số tiền 6.500.000 đồng, Lê Văn C số tiền 7.205.000 đồng.

[4] Đơn đề nghị và lời khai xác nhận của các bị hại: đã đưa cho bị cáo Đinh Đức B và Vì Xuân A tổng số tiền 105.500.000 đồng để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Căn cứ Kết luận giám định ngày 04/4/2018 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La và Kết luận giám định tư pháp số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La.

[6] Lời khai nhận tội của các bị cáo.

[7] Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 281 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt với tổng số tiền 102.685.000 đồng. Do đó, đã vi phạm tình tiết “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm b khoản 2 điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt tù từ năm năm đến mười năm tù, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội,

ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án H xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa O.

[9] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Bị cáo Vì Xuân A, Lê Văn C đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra, bị cáo A có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, sức khỏe của bị cáo yếu, không ổn định; Bị cáo Đinh Đức B có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, có bố được thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang và huân chương kháng chiến chống Mỹ của nước Lào; Đối với bị cáo Lê Văn C có bố đã có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển huyện Phù Yên. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Do vậy, cần giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, cũng đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa O.

[10] Vụ án có đồng phạm: giữ vai trò chính là Vì Xuân A là người trực tiếp thay đổi thông tin về thuế để chiếm đoạt tài sản, Đinh Đức B và Lê Văn C với vai trò giúp sức cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên vai trò giúp sức của Đinh Đức B tích cực hơn so với Lê Văn C. Nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

[11] Đối với bị cáo Đinh Đức B, Lê Văn C: các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu, số tiền các bị cáo chiếm đoạt là không lớn, quá trình điều tra các bị cáo đã khắc phục được toàn bộ hậu quả. Các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành chính sách pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, đều có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị hại, gia đình và chính quyền địa phương đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đối với tình tiết lợi dụng chức vụ, quyền hạn và phạm tội nhiều lần đã được áp dụng làm yếu tố định tội và định khung hình phạt, nên không áp dụng nhiều lần, không áp dụng đối với Nghị quyết 02, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự về án treo, đảm bảo nguyên tắc theo hướng có lợi cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng đảm bảo về an ninh trật tự và giáo dục riêng, phòng ngừa chung, cũng phù hợp với lời bào chữa của vị Luật sư đối với bị cáo Lê Văn C cho rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đồng phạm có tính chất giản đơn, vai trò thứ yếu, số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Về áp dụng pháp luật: các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018 (trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành). Do vậy, cần áp

dụng Bộ luật hình sự 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh, tài sản của các bị cáo. Đối với bị cáo Đinh Đức B, Lê Văn C cần cấm đảm nhiệm chức vụ trong một thời gian nhất định.

[13] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với hộ ông Đinh Công D không phải nộp tiền thuế cấp quyền sử dụng đất mà chỉ nộp lệ phí trước bạ là 277.000đ. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông Đinh Công D số tiền 4.723.000 đồng. Do vậy, các bị cáo phải bồi thường cho ông D theo phần các bị cáo đã chiếm đoạt là: B số tiền 2.000.000đ, A số tiền 2.500.000đ, C số tiền 223.000đ. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông D phải chịu tiền lệ phí trước bạ là 60.240 đồng, do đó cơ quan Thuế phải hoàn trả lại cho ông D số tiền 216.760 đồng.

- Đối với hộ ông Cầm E phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ là 564.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông Cầm E tổng số tiền 24.436.000 đồng cụ thể: A 15.000.000 đồng, C 1.436.000 đồng, B 8.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo Lê Văn C phải bồi thường cho ông E số tiền 1.436.000đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho ông Cầm E số tiền 10.500.000 đồng, vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.500.000đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải bồi thường cho ông E số tiền 12.500.000 đồng và hoàn trả cho bị cáo B số tiền 2.500.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông Cầm E phải nộp số tiền 48.701.000 đồng tiền thuế sử dụng đất, được khấu trừ số tiền 564.000 đồng tiền lệ phí trước bạ đã nộp. Ông E còn phải nộp tiếp số tiền 48.137.000 đồng tiền thuế sử dụng đất.

- Đối với hộ ông Hoàng Văn F không phải nộp tiền thuế cấp quyền sử dụng đất mà chỉ nộp lệ phí trước bạ là 755.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông F tổng số tiền 7.245.000 đồng, cụ thể: A 3.000.000 đồng, C 745.000 đồng, B 3.500.000 đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho ông F số tiền 7.000.000 đồng, vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 3.500.000đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải hoàn trả số tiền 3.000.000đồng đã chiếm đoạt cho bị cáo B. Bị cáo Lê Văn C phải hoàn trả số tiền 745.000đồng đã chiếm đoạt, trong đó bồi thường cho ông F số tiền 245.000 đồng và hoàn trả cho bị cáo B số tiền 500.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông F phải chịu tiền lệ phí trước bạ là 21.062 đồng, do đó cơ quan Thuế phải hoàn trả lại cho ông F số tiền 733.938 đồng.

- Đối với hộ ông Đinh Hùng G phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ 168.000đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông G tổng số tiền 5.832.000 đồng. Do vậy, các bị cáo phải bồi thường cho ông G theo phần các bị cáo đã chiếm đoạt là: A số tiền 2.500.000 đồng, C số tiền 332.000 đồng, B số tiền 3.000.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông G phải nộp số tiền 7.000.000 đồng tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ 22.368 đồng đã nộp lệ phí trước bạ là 168.000đồng, ông G còn phải nộp tiếp số tiền 6.854.368 đồng.

- Đối với hộ ông Đinh Văn H không phải nộp tiền thuế cấp quyền sử dụng đất mà chỉ nộp lệ phí trước bạ là 182.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông H tổng số tiền 6.818.000đồng, cụ thể: A 3.000.000 đồng, C 618.000 đồng, B 3.200.000đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho ông H số tiền 6.500.000 đồng, vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 3.300.000 đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng đã chiếm đoạt, bị cáo Lê Văn C phải nộp lại số tiền 618.000 đồng đã

chiếm đoạt, bồi thường cho ông H số tiền 318.000đồng và hoàn trả cho bị cáo B số tiền 3.300.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông H phải chịu tiền lệ phí trước bạ là 27.475 đồng, do đó cơ quan Thuế phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 154.525 đồng.

- Đối với hộ ông Đinh Văn I không phải nộp tiền thuế cấp quyền sử dụng đất mà chỉ nộp lệ phí trước bạ là 85.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông I tổng số tiền 8.615.000 đồng, cụ thể: A 3.000.000 đồng, C 615.000 đồng, B 5.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải bồi thường cho ông I số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn C phải bồi thường cho ông I số tiền 615.000 đồng, bị cáo B bồi thường cho ông I số tiền 5.000.000 đồng theo phần các bị cáo đã chiếm đoạt. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông I được miễn lệ phí trước bạ, do đó cơ quan Thuế phải hoàn trả lại cho ông I số tiền 85.000 đồng.

- Đối với hộ bà Hoàng Thị J không phải nộp tiền thuế sử dụng đất mà chỉ nộp lệ phí trước bạ là 205.000 đồng. Nên cần trả lại cho bà Hoàng Thị J số tiền 11.000.000 đồng thu giữ trong vụ án. Cần buộc bị cáo A hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng cho bị cáo B, bị cáo Lê Văn C trả lại số tiền 795.000 đồng cho bị cáo B. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, bà J phải chịu tiền lệ phí trước bạ là 36.331 đồng, do đó cơ quan Thuế phải hoàn trả lại cho bà J số tiền 168.669 đồng.

- Đối với hộ anh Hà Văn K phải nộp 100% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ 133.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh K tổng số tiền 9.867.000 đồng, cụ thể: B 9.500.000 đồng, C 367.000 đồng. Bị cáo B đã tự đem trả lại cho anh K số tiền 9.500.000 đồng. Do vậy, bị cáo Lê Văn C phải nộp lại số tiền 367.000 đồng đã chiếm đoạt bồi thường cho anh K. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, anh K phải nộp số tiền 17.688.000 đồng tiền thuế sử dụng đất, được khấu trừ số tiền 133.000 đồng tiền lệ phí trước bạ đã nộp. Anh K còn phải nộp tiếp số tiền 17.555.000 đồng.

- Đối với hộ ông Đinh Công L phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ 120.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông L tổng số tiền 7.380.000 đồng, cụ thể: A 3.000.000 đồng, B 4.180.000 đồng, C 200.000đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho ông L số tiền 7.000.000 đồng, vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.820.000 đồng. Do vậy bị cáo, Lê Văn C phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt cho B 200.000đồng, bị cáo Vì Xuân A phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 3.000.000 đồng, trong đó bồi thường lại cho ông L số tiền 380.000 đồng và hoàn trả lại cho bị cáo B số tiền 2.620.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông L phải nộp số tiền 8.034.080 đồng tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ 341 đồng, đã nộp lệ phí trước bạ là 120.000 đồng, ông L còn phải nộp tiếp số tiền 7.914.421 đồng.

- Đối với hộ ông Hoàng Văn M phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ 201.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của ông M tổng số tiền 6.799.000 đồng, cụ thể: A 3.000.000 đồng, B 2.800.000 đồng, C 999.000 đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho ông M số tiền 6.000.000 đồng vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 3.200.000 đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 3.000.000 đồng, bị cáo C phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 999.000 đồng, bồi thường lại cho ông M số tiền 799.000 đồng và hoàn trả lại cho bị cáo B số tiền 3.200.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông

M phải nộp số tiền 7.000.000 đồng tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ 35.483 đồng, đã nộp lệ phí trước bạ là 201.000 đồng, ông M còn phải nộp tiếp số tiền 6.834.483 đồng.

- Đối với hộ bà Lò Thị N và ông Cầm Văn A12 phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ 125.000 đồng. Các bị cáo đã chiếm đoạt của bà N và ông A12 tổng số tiền 10.975.000 đồng, cụ thể: A 5.000.000 đồng, B 5.100.000 đồng, C 875.000 đồng. Bị cáo B đã tự đem trả cho bà N số tiền 10.000.000 đồng vượt quá số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 4.900.000 đồng. Do vậy, bị cáo Vì Xuân A phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 5.000.000 đồng, bị cáo C phải nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 875.000 đồng, bồi thường lại cho bà N và ông A12 số tiền 975.000 đồng và hoàn trả lại cho bị cáo B số tiền 4.900.000 đồng. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông A12 phải nộp số tiền 7.000.000 đồng tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ 5.774 đồng, đã nộp lệ phí trước bạ là 125.000 đồng, ông A12 còn phải nộp tiếp số tiền 6.880.774 đồng.

- Đối với hộ bà Phạm Thị O không phải nộp thuế sử dụng đất, cơ quan Thuế đã thu số tiền sử dụng đất của hộ bà O là 11.000.000 đồng là không phù hợp. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, bà O phải nộp lệ phí là 530.360 đồng nên cần buộc Cơ quan Thuế hoàn trả lại cho bà Phạm Thị O số tiền 10.469.640 đồng.

- Đối với hộ Cầm Bá A11, Đinh Thị R: Diện tích đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nông nghiệp, chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng. Do vậy, việc nộp 40.452.000 đồng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, nên cần buộc cơ quan Thuế hoàn trả số tiền đã nộp là 40.452.000 đồng, trong đó của Đinh Thị R và Cầm Bá A11 là 40.000.000 đồng và số tiền 452.000 đồng của bà Đinh Thị S (Do B lấy tiền của bà S nộp). Trường hợp, ông A11 bà R có nhu cầu cấp giấy chứng nhận thì phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

- Đối với hộ Đinh Thị S, Đinh Công A10 đã đưa cho bị cáo Vì Xuân A 20.000.000 đồng và đã nộp thuế sử dụng đất, lệ phí trước bạ là 18.048.000 đồng. Đinh Đức B đã nộp số tiền trên, số tiền còn lại là 1.500.000 đồng Đinh Đức B đã giao nộp lại, cần trả lại cho bà Đinh Thị S. Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La thì hộ bà Đinh Thị S và ông Đinh Công A10 phải nộp tiền thuế sử dụng đất là 6.016.000 đồng, nên cần buộc cơ quan Thuế trả lại số tiền 12.032.000 đồng cho bà Đinh Thị S.

Đối với hai hộ Đinh Thị R và Đinh Thị S, bị cáo A đã chiếm đoạt 59.708.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục, nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ trước khi vụ án được khởi tố, nên theo hướng có lợi không quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền trên.

- Đối với hộ ông Lò Văn P: Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông P phải nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ 7.023.220 đồng. Ông P đã nộp số tiền 11.170.000 đồng, nên cần buộc cơ quan Thuế trả lại số tiền 4.146.780 đồng cho ông Lò Văn P.

- Đối với hộ ông Đinh Văn Q: Theo kết luận số 578/KLGD-CT ngày 10/5/2018 của Cục thuế tỉnh Sơn La, ông Q phải nộp tiền sử dụng đất 6.580.000 đồng. Ông Q đã nộp số tiền 99.000 đồng, ông Q còn phải nộp tiếp số tiền 6.481.000 đồng.

[14] Đối với Đặng Ngọc Q Chủ tịch UBND huyện, là trưởng ban quản lý dự án, quá trình triển khai đã giao cho Ngô Đức D (*Trưởng phòng tài nguyên và môi trường*) làm phó ban chỉ đạo thường trực để triển khai dự án theo Hướng dẫn số 72 ngày 15/7/2013. Quá trình triển khai dự án ông Q đã yêu cầu, chỉ đạo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng thời gian, quy trình.

[15] Đối với ông Nguyễn Hữu C (Trưởng Chi cục thuế huyện Phù Yên); ông Ngô Đức D (Phó ban quản lý dự án); ông Đinh Xuân Y (Chủ tịch UBND xã Gia Ph); ông Hà Ngọc B (chủ tịch UBND xã Tường H): không biết, không được bàn bạc, hưởng lợi đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vụ án không tiến hành kiểm tra, đơn đốc phần nào liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy, cơ quan quản lý trực tiếp cần kiểm điểm, xem xét trách nhiệm trong công tác quản lý.

[16] Đối với bị hại ông Cẩm E, ông Hoàng Văn M, bà Lò Thị N - ông Cẩm Văn A12 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Q, bà Đinh Thị S – ông Đinh Công A10 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[17] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01(một) Phong bì của Công an huyện Phù Yên phát hành được niêm phong, mặt trước ghi: “*Video phản ánh việc Vì Xuân A nhận của Cẩm Bá A11 40.000.000đ*”(Bốn mươi triệu). Nội dung video được coi là chứng cứ kết tội đối với bị cáo Vì Xuân A. Do vậy không tiến hành tiêu hủy mà cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Ban công an xã Gia Ph phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *số tiền 11.000.000đ(Mười một triệu đồng)* do Cẩm Văn A4 giao nộp”. Số tiền là của bà Hoàng Thị J, bà J không phải nộp tiền sử dụng đất nên cần trả lại cho bà J.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “*Tiền 5.380.000đ(Năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng)*” *chị Quách Thị Hồng Ph khắc phục hậu quả cho bị can Lê Văn C*. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *Tiền 213.000đ (Hai trăm mười ba nghìn đồng)*” *Lê Văn C giao nộp*”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *Tiền 827.000đ (Tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng)*” *do anh Lê Văn C giao nộp*”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *Số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng)* do bà Phạm Thị H tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho bị can Vì Xuân A”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *Số tiền 3.000.000đ(Ba triệu đồng)* do ông Đinh Đức B giao nộp”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: “ *Số tiền 785.000đ(Bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* do Lê Văn C giao nộp”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: ““ Hai triệu đồng” do bị can Đinh Đức B giao nộp”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành được dán kín, niêm phong mặt trước ghi: ““Một triệu năm trăm nghìn đồng” do bị can Đinh Đức B giao nộp”. Số tiền này sẽ được khấu trừ thiệt hại các bị hại.

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu đen kèm 2 sim tạm giữ của Đinh Đức B và 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu bạc kèm 01 sim điện thoại tạm giữ của Lê Văn C. Xét không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01(một) hộp giấy được dán kín niêm phong, mặt phía trên hộp ghi “35(ba mươi lăm) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSDĐ và các tài liệu liên quan” cùng 01(một) hộp giấy được dán kín niêm phong “ Mặt phía trên hộp ghi 14(mười bốn) bộ hồ sơ”. Cần trả lại cơ quan có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BS 302735 mang tên Đinh Công A10 và Đinh Thị S, trú tại: bản K, xã Tường H, Phù Yên. Hộ gia đình đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và có nhu cầu sử dụng, không thuộc quy hoạch, nên cần trả lại cho ông A10 và bà S sử dụng.

- Đối với 01(một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BS 302838 mang tên Đinh Thị R, trú tại Bản K, xã Tường H, Phù Yên. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của luật đất đai. N hộ bà Đinh Thị R có nhu cầu sử dụng thì lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của luật đất đai, nên cần trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[18] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vì Xuân A, Đinh Đức B, Lê Văn C phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vì Xuân A 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nR được khấu trừ 05 tháng bị tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 31 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đinh Đức B 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Đức B cho Ủy ban nhân dân xã Tường Th, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn C cho Chi cục T huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung:

- Phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).
- Cấm bị cáo Đinh Đức B, Lê Văn C đảm nhiệm chức vụ và phụ trách về lĩnh vực đất đai trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về dân sự: Áp dụng điều 579, 584, 585 Bộ luật dân sự 2015.

* Đối với bị cáo Vì Xuân A:

- Bồi thường cho ông Đinh Công D số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Cẩm E số tiền 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Hùng G số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Văn I số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
- Bồi thường cho ông Cẩm Văn A12 và bà Lò Thị N số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Công L số tiền 380.000đ (Ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- Hoàn trả cho bị cáo Đinh Đức B số tiền 24.020.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo Vì Xuân A phải bồi thường và hoàn trả là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) do bà Phạm Thị Hằng tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Vì Xuân A.

* Đối với bị cáo Đinh Đức B:

- Bồi thường cho ông Đinh Công D số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Hùng G số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Văn I số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

* Đối với bị cáo Lê Văn C:

- Bồi thường cho ông Đinh Công D số tiền 223.000đ (hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Cẩm E số tiền 1.436.000đ (một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Hoàng Văn F số tiền 245.000đ (hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Hùng G số tiền 332.000đ (ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Đinh Văn H số tiền 318.000đ (Ba trăm mười tám nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Đinh Văn I số tiền 615.000đ (Sáu trăm mười lăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Hà Văn K số tiền 367.000đ (ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Hoàng Văn M số tiền 799.000đ (bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng).
- Bồi thường cho ông Cẩm Văn A12 và bà Lò Thị N số tiền 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).
- Bị cáo Lê Văn C hoàn trả cho bị cáo Đinh Đức B số tiền 1.995.000đ (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).
- * Đối với các hộ phải tiếp tục nộp tiền sử dụng đất:
 - Hộ ông Cẩm Văn A12 và bà Lò Thị N phải nộp tiếp số tiền 6.880.774đ (sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).
 - Hộ ông Đinh Hùng G phải nộp tiếp số tiền 6.854.368đ (sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).
 - Hộ ông Hà Văn K phải nộp tiếp số tiền 17.555.000đ (mười bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).
 - Hộ ông Đinh Công L phải nộp tiếp số tiền 7.914.421đ (bảy triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm hai mươi một đồng).
 - Hộ ông Cẩm E phải nộp tiếp số tiền 48.137.000đ (bốn mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).
 - Hộ ông Đinh Văn Q phải nộp tiếp số tiền 6.481.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng).
 - Hộ ông Hoàng Văn M còn phải nộp tiếp số tiền 6.834.483đ (Sáu triệu tám trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).
- * Đối với Chi cục Thuế huyện Phù Yên:
 - Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị S số tiền 12.484.000đ (mười hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).
 - Hoàn trả lại cho hộ bà Đinh Thị R, ông Cẩm Bá A11 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).
 - Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn F số tiền 733.938đ (bảy trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).
 - Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn H số tiền 154.525đ (một trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).
 - Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn I số tiền 85.000đ (tám mươi lăm nghìn đồng).
 - Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị J số tiền 168.669đ (một trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng).
 - Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị O số tiền 10.469.640đ (mười triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).
 - Hoàn trả lại cho ông Đinh Công D số tiền 216.760đ (hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).
 - Hoàn trả lại cho ông Lò Văn P số tiền 4.146.780đ (bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 01(một) Phong bì của Công an huyện Phù Yên phát hành được niêm phong, mặt trước ghi: “*Video phản ánh việc Vi Xuân A nhận của Cẩm Bá A11 40.000.000đ*”(Bốn mươi triệu).

- Trả lại cho bà Hoàng Thị J số tiền 11.000.000đ(Mười một triệu đồng)được niêm phong trong 01(một) phong bì thư của Ban công an xã Gia Ph phát hành được dán kín, mặt trước ghi: “*số tiền 11.000.000đ(Mười một triệu đồng) do Cẩm Văn A4 giao nộp*”.

- Tổng số tiền 7.205.000đ (Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) do Quách Thị Hồng Ph và Lê Văn C giao nộp, đã được niêm phong trong 04 phong bì thư do Công an huyện Phù Yên phát hành được sử dụng để bồi thường và hoàn trả cụ thể: ông Đinh Công D số tiền 223.000đ (hai trăm hai mươi ba nghìn đồng), ông Cẩm E số tiền 1.436.000đ (một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng), ông Hoàng Văn F số tiền 245.000đ, (hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), ông Đinh Hùng G số tiền 332.000đ (ba trăm ba mươi hai nghìn đồng), ông Đinh Văn H số tiền 318.000đ (Ba trăm mười tám nghìn đồng), ông Đinh Văn I số tiền 615.000đ (sáu trăm mười lăm nghìn đồng), ông Hà Văn K số tiền 367.000đ (ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), ông Hà Văn M số tiền 799.000đ (bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng), ông Cẩm Văn A12 và bà Lò Thị N số tiền 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); hoàn trả cho bị cáo Đinh Đức B số tiền 1.995.000đ (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tổng số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) do bà Phạm Thị H giao nộp, đã được niêm phong trong 01 phong bì do Công an huyện Phù Yên phát hành được sử dụng để bồi thường và hoàn trả cụ thể: ông Đinh Công D số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), ông Cẩm E số tiền 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), ông Đinh Hùng G số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), ông Đinh Văn I số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), ông Cẩm Văn A12 và bà Lò Thị N số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng), ông Đinh Công L số tiền 380.000đ (ba trăm tám mươi nghìn đồng); hoàn trả cho bị cáo Đinh Đức B số tiền 24.020.000đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Số tiền 3.000.000đ(Ba triệu đồng) được niêm phong trong 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành mặt trước ghi: “*Số tiền 3.000.000đ(Ba triệu đồng) do ông Đinh Đức B giao nộp*”, được sử dụng để bồi thường cho ông Đinh Hùng G.

- Số tiền Hai triệu đồng được niêm phong trong 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành mặt trước ghi: “*Hai triệu đồng do bị can Đinh Đức B giao nộp*”, được sử dụng để bồi thường cho ông Đinh Công D.

- Số tiền Một triệu năm trăm nghìn đồng được niêm phong trong 01(một) phong bì do bưu chính Việt Nam phát hành mặt trước ghi: “*Một triệu năm trăm nghìn đồng*” do bị can Đinh Đức B giao nộp”, được sử dụng để bồi thường cho bà Đinh Thị S.

- Trả lại 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu đen kèm 2 sim cho bị cáo Đinh Đức B và 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu bạc kèm 01 sim điện thoại cho bị cáo Lê Văn C.

- Trả lại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phù Yên 01(một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BS 302838 mang tên Đinh Thị R - trú tại Bản K, xã Tường H, huyện Phù Yên và 02 hộp giấy được dán kín, niêm phong, trong đó: 01 hộp giấy đựng 35(ba mươi lăm) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSDĐ và các tài liệu liên quan, 01 hộp giấy đựng 14(mười bốn) bộ hồ sơ.

- Trả lại cho bà Đinh Thị S 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BS 302735 mang tên Đinh Công A10 và Đinh Thị S – trú tại: bản K, xã Tường H, huyện Phù Yên.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-12-2018). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Phù Yên;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện PY;
- Cơ quan THAHS;
- Trại TG;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- UBND thị trấn;
- UBND xã Tường H;
- UBND xã Tường Th;
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Xuân Thủy